

XÃ HỘI HỌC NÔNG THÔN VIỆT NAM - QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN

TÔ DUY HỢP

Về quá trình hình thành chuyên ngành xã hội học nông thôn ở Việt Nam, chúng tôi đã có dịp đề cập trong chương sách “Xã hội học nông thôn”¹, phần B. Về một số thành quả bước đầu của xã hội học nông thôn Việt Nam, tôi cho rằng: “*đã có một số chuyên khảo về thực trạng và xu hướng biến đổi của xã hội học nông thôn Việt Nam do các tác giả nước ngoài thực hiện riêng biệt hoặc là đồng tác giả với các nhà khoa học Việt Nam*”.

Trong bước đi ban đầu, đã có những công trình nghiên cứu cơ bản. Đáng kể nhất là: 1) “*Khảo cứu xã hội học và các vấn đề phát triển nông thôn ở Đông Nam Á*” của tập thể tác giả K.F.Walker và Vũ Quốc Thúc, v.v..., Bỉ, Unesco, 1963; và 2) “*Hỏi Vấn một xã ở Việt Nam, đóng góp của xã hội học vào việc nghiên cứu những sự quá độ*” của F.Houtart và G.Lemercinier, Đại học Louvain, Bỉ, 1980.

Về ý nghĩa cơ bản của các công trình nghiên cứu đó, đã có nhận định như sau: bắt đầu từ công trình hợp tác giữa các chuyên gia nước ngoài với Việt Nam: “*Khảo cứu xã hội học và các vấn đề phát triển nông thôn ở Đông Nam Á*”, Bỉ, Unesco, 1963. Đó là kết quả khảo sát, điều tra xã hội học nông thôn, được tiến hành ở miền Nam Việt Nam giữa 1960, dưới sự tài trợ của Unesco và FAO. Có một số nét đáng ghi nhận ở công trình này:

1. Tiếp cận khu vực trong nghiên cứu xã hội học ở nông thôn, đặt nông thôn Việt Nam trong hệ thống lớn hơn là khu vực Đông Nam Á để tìm ra những nét chung của cả khu vực, đồng thời làm rõ đặc thù nông thôn Việt Nam. Cách tiếp cận hệ thống xã hội này có sự gợi ý nghiên cứu tốt.

2. Xây dựng một bảng liệt kê khá đầy đủ những đặc điểm của khu vực Đông Nam Á về số dân, cơ sở vật chất - kỹ thuật, kinh tế, chính trị, tinh thần, văn hóa, phát triển kinh tế-xã hội.

3. Từ đó rút ra kết luận, mang tính chất khuyến nghị chung về sự cần thiết phải hiện đại hóa đời sống nông thôn ở Đông-Nam Á.

4. Có một số nhận định và khuyến nghị phát triển kinh tế-xã hội nông thôn Việt Nam khá hợp lý. Chẳng hạn, sự ghi nhận môi trường nông thôn Việt Nam có 4 đặc điểm lớn:

- a. Ý thức cộng đồng làng-xã.
- b. Không có tâm tính Tư bản chủ nghĩa.
- c. Không có tính cá nhân cực đoan.
- d. Khủng hoảng bản cùng hóa.

¹ Xem sách: *Xã hội học từ nhiều hướng tiếp cận và những thành tựu bước đầu*. Tương Lai chủ biên, NXB Khoa học Xã hội. Hà Nội-1994. Tr. 82.

Hoặc có những khuyến cáo cho rằng khi phát triển kinh tế, phát triển kỹ nghệ mới không nên phá hủy kết cấu xã hội truyền thống. Vì ngoài nhu cầu tăng thu nhập còn có vấn đề văn minh xã hội. Khôn ngoan hơn cả là chọn mục tiêu nâng cao “mức thăng bằng”, nghĩa là chuyển dần từ thăng bằng cũ sang thăng bằng mới, v.v...

5. Cũng trong công trình này ta có thể xem xét bảng liệt kê các dữ kiện chung (các chỉ báo về môi trường và về nhân tố con người, xã hội), gợi ý lập bảng hỏi trong điều tra xã hội học nông thôn. Như vậy, có thể coi đây là kinh nghiệm ban đầu của nghiên cứu xã hội học nông thôn cả về mặt lý thuyết lẫn thực nghiệm khoa học.

Công trình nghiên cứu xã hội học có ý nghĩa cơ bản là công trình của F.Houtart và G.Lemercinier: *“Hải Vân - một xã ở Việt Nam. Đóng góp của xã hội học vào việc nghiên cứu những sự quá độ”*, Đại học Louvain, Bỉ, 1980. Nhiều cán bộ nghiên cứu của Viện Xã hội học đã cộng tác chặt chẽ với F.Houtart và G.Lemercinier để hoàn thành công trình này, qua đó trưởng thành lên về kỹ năng nghiên cứu thực nghiệm, các kỹ thuật bảng hỏi, phỏng vấn sâu, nghiên cứu mẫu và cả về lý thuyết xã hội học, đặc biệt là lý thuyết phát triển xã hội nông thôn. Công trình *“Hải Vân - một xã ở Việt Nam...”* của F.Houtart và G.Lemercinier có ý nghĩa phương pháp luận khoa học to lớn, bởi vì nó đặt ra và góp phần giải quyết vấn đề trước mắt của chiến lược phát triển toàn diện kinh tế - xã hội nông thôn Việt Nam: vấn đề xã hội quá độ. Cách tiếp cận này không mâu thuẫn loại trừ, trái lại đã bổ sung, cụ thể hóa cách tiếp cận chung vừa nêu trên. Hiện đại hóa là đường lối chung, lâu dài; quá độ là đường lối cụ thể, trước mắt, có sứ mệnh chuẩn bị đầy đủ tiền đề, điều kiện cho công cuộc hiện đại hóa, nghĩa là công cuộc chuyển đổi hệ thống xã hội truyền thống lạc hậu thành hệ thống xã hội văn minh, hiện đại, tiên tiến. Công trình *“Hải Vân - một xã ở Việt Nam...”* đã để lại một kho tư liệu khảo sát, điều tra xã hội học quý giá về thực trạng của những năm tháng thử nghiệm đường lối quá độ kiểu cũ nông thôn: phong trào tập thể hóa kinh tế nông thôn định hướng tiến thẳng lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa bỏ qua giai đoạn phát triển tư bản chủ nghĩa².

Thập kỷ 90 nở rộ nhiều công trình nghiên cứu xã hội học nông thôn. Tôi cho rằng: *“Tuy hãy còn rất non trẻ, song nhờ sự giúp đỡ quốc tế và nỗ lực bản thân, giới xã hội học Việt Nam cũng đã gặt hái được một số kết quả bước đầu trong chuyên đề xã hội học nông thôn. Có thể nói không có nhà xã hội học Việt Nam nào không dựa vào xã hội nông thôn - nông nghiệp - nông dân để triển khai các đề tài nghiên cứu của mình...”*

Tạp chí Xã hội học mấy năm gần đây đã đăng tải nhiều bài viết chuyên bàn về xã hội nông thôn của các tác giả trong và ngoài Viện Xã hội học: Chung Á, Bùi Thế Cường, Mai Huy Bích, Phí Văn Ba, Đỗ Thái Đồng, Tô Duy Hợp, Nguyễn Thị Hoa, Đỗ Thanh Hồng, Khuất Thu Hồng, Tương Lai, Vũ Mạnh Lợi, Phạm Văn Phú, Phạm Bích San, Nguyễn Đức Truyền, Bùi Đình Thanh, Nguyễn Quang Vinh, Phạm Xuân Đại, Đỗ Thiên Kính, Phạm Liên Kết, v.v...

Phòng tư liệu - thư viện của Viện Xã hội học lưu trữ nhiều tập tài liệu điều tra xã hội học nông thôn và các phòng chuyên môn khác tiến hành trong nhiều năm qua. Kho số liệu điều tra xã hội học cũng như các bài viết chuyên bàn về xã hội nông thôn Việt Nam đều xoay quanh các chủ đề lớn sau đây:

- a. Dân số, gia đình nông thôn Việt Nam.
- b. Lối sống, văn hóa nông thôn Việt Nam.

² Xem thêm Tô Duy Hợp: *Xã hội học nông thôn Việt Nam - một số thành quả nghiên cứu và khả năng vận dụng*. Tạp chí *Xã hội học*. Số 1/ 1994. Tr. 31-35.

c. Chuyển đổi cơ cấu xã hội nông thôn Việt Nam, chủ yếu nhằm vào 3 loại cơ cấu quan trọng, đó là cơ cấu nhân khẩu xã hội, cơ cấu lao động-nghề nghiệp xã hội và cơ cấu giai tầng xã hội ở nông thôn.

d. Chuyển đổi các chuẩn mực và định hướng giá trị trong xã hội nông thôn Việt Nam.

Chưa có nhiều sách chuyên khảo về thực trạng và xu hướng biến đổi xã hội nông thôn Việt Nam. Cuốn sách “*Nông thôn-kinh tế-xã hội-chính sách*” (Điều tra Xã hội học) của Trung tâm Xã hội học-Tin học, Học viện Nguyễn Ái Quốc và Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy Hải Hưng (Nxb Sự Thật. Hà Nội-1991. 156 trang. Khổ 13x19) là chuyên khảo đầu tiên của một tập thể các nhà xã hội học Việt Nam về một vùng nông thôn dựa trên kết quả khảo sát, điều tra xã hội học.

Cuốn sách thứ hai “*Tam Sơn - truyền thống và hiện đại*” (Nxb Chính trị Quốc gia. Hà Nội-1993)³, là chuyên khảo về xã Tam Sơn (Tiên Sơn, Bắc Ninh), một xã điển hình truyền thống nông nghiệp, nông thôn Việt Nam, dựa trên kết quả khảo sát, điều tra xã hội học bằng nhiều phương pháp và kỹ thuật nghiên cứu khác nhau như: điều tra chọn mẫu, thống kê kinh tế-xã hội, phỏng vấn cá nhân, thảo luận nhóm tập trung, quan sát thâm nhập v.v...

Năm 1994, đánh dấu một bước tiến mới của xã hội học nông thôn Việt Nam, đó là kết quả hội thảo Pháp - Việt về các vấn đề xã hội học nông thôn Việt Nam đương đại⁴. Các học giả Việt Nam đã góp phần tổng kết những thành tựu Đổi mới nông nghiệp-nông thôn Việt Nam cũng như mở rộng những vấn đề cần nghiên cứu sâu để đẩy mạnh hơn nữa công cuộc Đổi mới nông nghiệp-nông thôn Việt Nam. Đó là các bài viết của các tác giả: Tương Lai, Tô Duy Hợp, Nguyễn Đức Truyến, Mai Văn Hai và Bùi Xuân Đính, Phan Đại Doãn, Đào Thế Tuấn...

Các học giả Pháp không chỉ cung cấp cơ sở lý luận và phương pháp luận nghiên cứu xã hội học nông thôn hiện đại, chẳng hạn như bài viết của *Claude - Meillassoux*, kinh nghiệm nghiên cứu các nước nông nghiệp, chẳng hạn như bài viết của *Yasmine Marzouk và Jean Schmitz*; mà còn trực tiếp bàn về nông nghiệp, nông thôn Việt Nam thời kỳ Đổi mới, chẳng hạn như bài viết của *Mathieu Bousquet và Jean-Luc Sabatier*.

Cũng trong năm 1994, chương trình nghiên cứu sâu xã hội học nông thôn Việt Nam⁵ bao gồm 3 nhiệm vụ chủ yếu đã được đề xuất:

1. Hoàn thiện *kho số liệu điều tra xã hội học nông thôn Việt Nam*.
2. Xây dựng *chủ thuyết phát triển kinh tế-xã hội nông thôn Việt Nam*.
3. Đẩy mạnh *nghiên cứu xã hội học nông thôn phục vụ thiết thực công cuộc Đổi mới kinh tế-xã hội nông thôn Việt Nam*.

Cho tới nay nhiều dự án nghiên cứu đã được triển khai, song 3 yêu cầu cơ bản nêu trên vẫn còn là định hướng lâu dài của xã hội học nông thôn Việt Nam, kết hợp nghiên cứu thảo luận với nghiên cứu xã hội học, nghiên cứu cơ bản với nghiên cứu ứng dụng, phục vụ thiết thực đời sống kinh tế-xã hội.

Phòng Xã hội học Nông thôn (Viện Xã hội học) đã có đóng góp nhiều mặt vào định hướng phát triển chuyên ngành xã hội học nông thôn Việt Nam, trước hết là định hướng

³ Xem: Tô Duy Hợp. Sđd. Tr. 71-72

⁴ Xem: Văn bản hội thảo Pháp - Việt. Xã hội học nông thôn. Hà Nội-1994.

⁵ Xem trong sách đã dẫn: *Xã hội học từ nhiều hướng tiếp cận và những thành tựu bước đầu*. Tương Lai chủ biên. Hà Nội-1994. Tr. 76-80.

ngiên cứu tập trung vào chủ đề biến đổi xã hội nông thôn, đặc biệt là chiến lược phát triển tổng hợp kinh tế-xã hội nông thôn Việt Nam. Các đơn vị phân tích xã hội học gồm nhiều cấp: từ hộ gia đình nông thôn tới cộng đồng làng-xã, vùng miền nông thôn và cả so sánh quốc tế. Các chức năng chủ yếu của một chuyên ngành khoa học đều được thực hiện theo quan điểm kết hợp nghiên cứu khoa học với giảng dạy và đào tạo, kết hợp nghiên cứu với tư vấn khoa học, không chỉ cho Đảng và Chính phủ mà còn cả cho cộng đồng.

Một số xuất bản phẩm gần đây đã cố gắng quán triệt tinh thần đó. Chẳng hạn, như cuốn sách: *“Ninh Hiệp - truyền thống và phát triển”* (Tô Duy Hợp chủ biên, Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia, Hà Nội-1997) là một công trình nghiên cứu theo định hướng nghiên cứu tích hợp lý thuyết và phương pháp nghiên cứu xã hội học nông thôn, vận dụng vào trường hợp một xã điển hình về năng lực biết làm giàu theo cơ chế thị trường ở Đồng bằng sông Hồng. Luận án tiến sỹ khoa học xã hội học *“Sự phát triển nông thôn Việt Nam trong điều kiện cải cách thị trường”* của Bùi Quang Dũng, bảo vệ thành công tại Viện Hàn lâm Khoa học Nga (1996) là thành tích quan trọng đánh dấu sự tiến triển của xã hội học nông thôn Việt Nam trong thập kỷ 90.

Công việc đào tạo chuyên gia xã hội học nông thôn đang được tích cực xúc tiến tại Viện Xã hội học, các Khoa xã hội học và Trung tâm nghiên cứu xã hội học.

Giáo trình xã hội học nông thôn đang được hoàn thiện dùng cho các bậc học⁶: Đại học, Cao học và nghiên cứu sinh chuyên ngành xã hội học. Đã có 2 bài viết chuyên bàn về vấn đề này. Đó là:

- + Vấn đề hoàn thiện giáo trình xã hội học nông thôn. Tạp chí Xã hội học. Số 4/1997.
- + Đặc điểm phân-hợp ngành của xã hội học. Tạp chí Xã hội học. Số 3/1998.

Ngoài ra cũng đã có những ấn phẩm chọn lọc giới thiệu xã hội học nông thôn nước ngoài.⁷

Sau 10 năm thử nghiệm cho thấy cấu trúc giáo trình xã hội học nông thôn nên bao gồm 3 phần chính: 1) Nhập môn, 2) Nội dung cơ bản, 3) Ứng dụng.

Phần Nhập môn xã hội học nông thôn bao gồm 5 vấn đề chính: 1) Khái niệm sơ bộ về chuyên ngành xã hội học nông thôn, 2) Khái lược lịch sử hình thành phát triển chuyên ngành xã hội học nông thôn, 3) Xác định đối tượng, phương pháp đặc thù của xã hội học nông thôn, 4) Cơ cấu nội dung, đặc điểm phân-hợp ngành xã hội học nông thôn và 5) Vị trí, vai trò, ý nghĩa, tác dụng của xã hội học nông thôn.

Phần *Nội dung cơ bản* bao gồm 5 chủ đề lớn: 1) Khái niệm xã hội nông thôn, 2) Cơ cấu chức năng và hành động xã hội nông thôn, 3) Tổ chức và thiết chế xã hội nông thôn, và 4) Biến đổi xã hội nông thôn. 5) Tương tác giữa nông thôn với môi trường.

Phần ứng dụng bao gồm 3 vấn đề chính: 1) Nguyên tắc ứng dụng xã hội học nông thôn, 2) Kinh nghiệm ứng dụng xã hội học nông thôn trong nghiên cứu và dạy học, 3) Kinh nghiệm ứng dụng xã hội học nông thôn trong tư vấn và quản lý xã hội.

⁶ Xem, Tô Duy Hợp: Đề cương bài giảng Xã hội học nông thôn, Viện Xã hội học, Trung tâm Khoa học Xã hội và Nhân văn Quốc gia-1995; Tống Văn Chung: Đề cương bài giảng chuyên đề Xã hội học nông thôn, khoa Xã hội học, Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học quốc gia Hà Nội-1996.

⁷ Xem Tô Duy Hợp chọn lọc, giới thiệu: *Xã hội học nông thôn* (Tài liệu tham khảo nước ngoài), Nxb Khoa học Xã hội. Hà Nội-1997.

Hệ vấn đề nghiên cứu xã hội học nông thôn dưới dạng chung nhất đã được xác định trong chương sách “*Xã hội học nông thôn*”⁸, bao gồm:

1. Các vấn đề tương quan và tương tác giữa xã hội nông thôn với môi trường.
 - a. Đô thị hóa nông thôn.
 - b. Tính độc lập tương đối và sự phụ thuộc căn bản của xã hội nông thôn vào xã hội tổng thể.
 - c. Công nghiệp hóa nông nghiệp và hiện đại hóa xã hội nông nghiệp - nông dân - nông thôn.
 - d. Bảo đảm cân bằng sinh thái nhân văn ở địa bàn nông thôn và cả ở địa bàn đô thị.
2. Các vấn đề tương quan và tương tác nội bộ xã hội nông thôn.
 - a. Vị thế, vai trò của các nhân vật xã hội nông thôn (nông dân, thợ thủ công, thương nhân, trí thức, v.v...).
 - b. Các cơ cấu nhân khẩu, lao động nghề nghiệp, phân tầng xã hội của các nhóm xã hội nông thôn. Thực trạng và xu hướng biến đổi của chúng.
 - c. Các thiết chế xã hội nông thôn: thực trạng và xu hướng biến đổi của các thiết chế cơ bản như kinh tế, chính trị, gia đình, giáo dục, y tế, tôn giáo, khoa học, thể thao ở nông thôn.
 - d. Các vấn đề xã hội khác như lối sống nông thôn, văn hóa nông thôn, văn minh nông nghiệp, tổ chức và quản lý xã hội nông thôn, v.v...

Sau hơn 10 năm Đổi mới, xã hội Việt Nam nói chung, đặc biệt là xã hội nông thôn đã có sự thay đổi mang tính bước ngoặt so với thời bao cấp, song so với nền tảng truyền thống vẫn chưa có sự thay đổi căn bản. Xét theo quan điểm lý thuyết tiến bộ văn hóa - văn minh, cho đến nay, xã hội nước ta vẫn chưa thoát khỏi nền văn minh tiểu nông cổ truyền hầu như độc canh cây lúa, thủ công lạc hậu, tự cung tự cấp là chính. Thống kê quốc gia và quốc tế đều cho thấy xấp xỉ 80% dân số nông thôn⁹, hơn 70% lao động nông nghiệp, ở nông thôn thì 90% dân số nông nghiệp, hơn 80% lao động thuần nông. Tỷ lệ hộ phi nông nghiệp quá thấp, chỉ có 19,4%; còn lại tuyệt đối đại bộ phận là hộ nông nghiệp. Cơ cấu GDP năm 1997 có vẻ tương ứng với trình độ kinh tế của các nước đang phát triển: 1) Nông nghiệp: 27%, 2) Công nghiệp và xây dựng: 31% và 3) Thương nghiệp và dịch vụ khác: 42%; hơn 70% lao động làm việc trong nông nghiệp, mà chỉ đóng góp có 27% vào GDP quốc gia, chứng tỏ năng lực nông nghiệp hàng hóa quá thấp kém.

Riêng ở nông thôn, tỷ lệ công nghiệp + dịch vụ trong GDP chỉ chiếm khoảng 25%, ở Đồng bằng sông Hồng lại còn thấp hơn nữa, chỉ khoảng 20%, do đó vẫn chưa tạo ra được bước ngoặt của sự chuyển đổi cơ cấu lao động-nghề nghiệp theo hướng phi nông nghiệp hóa cao độ. Trong nông nghiệp, chuyển dịch cơ cấu cây trồng, vật nuôi quá chậm chạp; chăn nuôi vẫn chưa tách khỏi trồng trọt để trở thành ngành kinh tế độc lập, tỷ trọng chăn nuôi chỉ khoảng 30% tổng giá trị sản lượng nông nghiệp. Giá trị sản lượng thóc lúa vẫn áp đảo trong tổng giá trị sản lượng lương thực quy thóc...

Ở một số ít làng-xã vượt trội, giàu có, chẳng hạn như xã Ninh Hiệp (Gia Lâm, Hà Nội) đã có đột biến trong cơ cấu GDP theo hướng hiện đại hóa: phần đóng góp của nông

⁸ Xem Tô Duy Hợp. Sđd. Tr. 62-63.

⁹ Theo kết quả sơ bộ của Tổng điều tra dân số quốc gia 1.4/1999 thì dân số nông thôn chiếm 76,5%

ng nghiệp chỉ còn 10%, thương nghiệp và dịch vụ chiếm trên 60% GDP, còn lại là đóng góp của công nghiệp; nhưng do chưa có công nghiệp hiện đại mà chỉ có tiểu thủ công nghiệp, chưa có thị trường hiện đại mà chỉ có dịch vụ, buôn bán nhỏ; cho nên giá trị sản lượng phi nông nghiệp hạn chế. Năm 1997, GDP bình quân trên đầu người đạt 5 triệu đồng Việt Nam, vào loại khá giả nhất nông thôn, song vẫn không thể sánh được với mức sống đô thị và vẫn ở dưới mức giới hạn nghèo của thế giới.

Với điểm xuất phát chung quá thấp kém như vậy, thành tích của hơn 10 năm đổi mới rất đáng kể, nhưng chưa vững chắc, “Từ giữa năm 1997, đặc biệt 6 tháng đầu năm 1998, nền kinh tế có nhiều biểu hiện tăng trưởng chậm lại, như tốc độ tăng GDP chỉ khoảng trên dưới 6%/ năm, giá trị sản xuất công nghiệp tăng xấp xỉ 10%/ năm, nông nghiệp chỉ khoảng 3,5%/ năm, tỷ lệ lạm phát xấp xỉ 10%/ năm. Trong xã hội nông thôn một số nơi bộc lộ nhiều mâu thuẫn mới khá gay gắt. Đó là tệ tham nhũng và mất dân chủ trong đội ngũ cán bộ các cấp; nhiều việc làm trái pháp luật; việc huy động sức dân chưa phù hợp với khả năng của dân, v.v...”.

Lấy lại đà tăng trưởng ổn định và tiếp tục chiến lược phát triển bền vững phải là định hướng chung, cơ bản nhất của xã hội nông thôn Việt Nam nói chung và Việt Nam nói riêng. Chính nhờ có triết lý phát triển bền vững mà ta có cơ sở lý luận và phương pháp luận mới để không chỉ phê phán, khắc phục những lệch lạc, sai lầm cực đoan mà còn hoàn thiện phương án tối ưu của chiến lược phát triển tổng hợp kinh tế-xã hội nông thôn.

Như vậy, chiến lược phát triển tổng hợp kinh tế-xã hội nông thôn Việt Nam ngày nay phải dựa trên cơ sở chủ thuyết phát triển bền vững với các nguyên tắc cơ bản sau đây :

1. Đảm bảo môi trường ổn định, bền vững.
2. Đẩy mạnh các quá trình thị trường hóa, đô thị hóa, công nghiệp hóa, hiện đại hóa để nâng cao mức sống và đặc biệt là chất lượng cuộc sống của nông dân, nông thôn.
3. Định hướng xã hội chủ nghĩa kiểu mới, nhằm đạt mục tiêu chung là dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, văn minh, hiện đại.

Nông thôn Việt nam không có con đường lựa chọn nào khác, ngoài con đường phát triển theo hướng tăng cường các quá trình thị trường hóa, đô thị hóa, công nghiệp hóa và hiện đại hóa cao độ. Song vấn đề là phải theo kiểu mới, nghĩa là theo chủ thuyết phát triển bền vững.

Triết lý tham gia có thể coi như hệ quả tất yếu của triết lý phát triển bền vững. Và nó cũng không xa lạ mà rất đồng thuận với cơ chế quản lý được Đảng và Nhà nước ta xác định từ lâu: “Đảng lãnh đạo-Nhà nước quản lý-Nhân dân làm chủ”.

Phương pháp luận nghiên cứu tham gia sẽ thích hợp nhất cho việc thấm nhuần triết lý tham gia và phát triển bền vững.

Với phương pháp luận này, nhà xã hội học nông thôn thực hiện cả 4 chức năng cơ bản của một chuyên ngành khoa học xã hội: 1) Nghiên cứu khoa học, 2) Giảng dạy, đào tạo chuyên gia khoa học, 3) Tư vấn khoa học và 4) Quản lý khoa học quá trình phát triển kinh tế-xã hội.

Một hệ thống tổ chức-thiết chế xã hội mới quán triệt tinh thần triết lý tham gia và phát triển bền vững sẽ được xây dựng theo mô hình hoạt động tham gia, thống nhất ý chí và hành động trong tam giác thể chế: xã hội dân sự-nhà nước-thị trường với sự tham gia tích cực của các nhân tố quan trọng khác như nghiên cứu khoa học, công tác xã hội, truyền thông đại chúng...

Tóm lại, có ý nghĩa then chốt trong định hướng phát triển chuyên ngành xã hội học nông thôn Việt Nam ngày nay là tích cực góp phần hoàn thiện và triển khai chiến lược phát triển tổng hợp kinh tế-xã hội nông thôn, đẩy mạnh đồng bộ các quá trình thị trường hóa, đô thị hóa, công nghiệp hóa, hiện đại hóa kiểu mới nhằm đạt mục tiêu chung là dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, văn minh.

Nhiệm vụ nghiên cứu cơ bản là hoàn thiện cơ sở lý luận khoa học của chiến lược phát triển tổng hợp kinh tế-xã hội nông thôn, đó chính là nguyên tắc tích hợp chủ thuyết phát triển bền vững với phương pháp luận tham gia và với định hướng giá trị Dung Hợp văn hóa-văn minh như một hằng tính lịch sử của văn hóa-văn minh Việt Nam.

Những nghiên cứu ứng dụng phải thiết thực tư vấn, hỗ trợ phát triển kinh tế-xã hội nông thôn; đặc biệt là tư vấn, hỗ trợ phát triển cộng đồng xã/ thôn (các dự án xóa đói giảm nghèo, tạo việc làm, xây dựng cơ sở hạ tầng, phát triển dịch vụ xã hội v.v...), kết hợp nghiên cứu cơ bản với nghiên cứu ứng dụng, kết hợp nghiên cứu khoa học với giảng dạy, đào tạo khoa học và với công tác tư vấn, hỗ trợ cộng đồng - đó là phương châm hiện đại hóa chuyên ngành xã hội học nông thôn Việt Nam ngày nay.

Ý nghĩa và tác dụng của chuyên ngành xã hội học nông thôn Việt Nam không chỉ giới hạn trong khu vực xã hội nông thôn mà còn cho toàn bộ xã hội Việt Nam, bởi lẽ ngay cả trong một tầm nhìn dài hạn, Việt Nam cơ bản vẫn còn là một nước nông nghiệp, nông thôn đang trên đường đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa.